****

**CÔNG TY TNHH THẾ HỆ MỚI**

Địa chỉ: R4-OF 02&03 Tầng 2 Tòa R4, Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

*Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2025*

**BÁO CÁO KIẾN NGHỊ**

V/v: Góp ý sửa đổi Nghị định 15/2018/NĐ-CP về thi hành luật An toàn thực phẩm

Kính gửi: **LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Công ty TNHH Thế Hệ Mới (THM) sản xuất các sản phẩm Chè xanh, chè đen, chè Oolong, Trà thảo mộc đóng gói trong dạng rời, túi lọc…và sản phẩm Trà hòa tan (Trà pha lạnh hoặc pha nóng), Nước giải khát không cồn. Vì vậy, trong quá trình sản xuất vả kinh doanh, Công ty có gặp một số khó khăn khi áp dụng các quy định của Luật ATTP, xin kiến nghị góp ý một số vấn đề sau:

**1. Chưa rõ ràng trong phân định trách nhiệm quản lý giữa các cơ quan:**

Nghị định quy định trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm giữa các bộ (Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương) và phân cấp cho địa phương. Tuy nhiên, trong thực tế, vẫn còn tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót trong quản lý, đặc biệt đối với các sản phẩm thuộc nhiều lĩnh vực (ví dụ: thực phẩm vừa là nông sản vừa qua chế biến). Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp khi xác định cơ quan chịu trách nhiệm chính.

**Chồng chéo xảy ra khi:** Một sản phẩm thực phẩm thuộc nhiều giai đoạn hoặc danh mục quản lý khác nhau. Ví dụ, một sản phẩm thịt chế biến sẵn có thể vừa chịu QCVN của Bộ Y tế về vi sinh vật, vừa chịu tiêu chuẩn của Bộ NN&PTNT về tồn dư hóa chất trong chăn nuôi, và tiêu chuẩn của Bộ Công Thương nếu được đóng gói công nghiệp. Doanh nghiệp phải tuân thủ nhiều quy định khác nhau, đôi khi mâu thuẫn hoặc trùng lặp về chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hay các QCVN ban hành năm 2009 và 2010 của Bộ NN&PTNT về Chè, Cà phê, Điều, Rau củ quả…đều đã cũ, chồng chéo, mâu thuẫn và trùng lặp tiêu chuẩn so với các QCVN, Thông tư của Bộ Y Tế (Quyết định 46/2007/QĐ-BYT, QCVN 8-1:2011/BYT, QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2011/BYT, Thông tư 50/2016/TT-BYT…)

**Chồng chéo trong quản lý thực phẩm nhập khẩu và nội địa:**

Thực phẩm nhập khẩu phải tuân thủ các QCVN do Bộ Y tế ban hành (như QCVN 8-2:2011/BYT), nhưng khi lưu thông trong nước, lại chịu thêm các tiêu chuẩn của Bộ Công Thương hoặc Bộ NN&PTNT nếu thuộc danh mục quản lý của họ. Điều này dẫn đến việc một lô hàng nhập khẩu có thể phải kiểm tra nhiều lần với các tiêu chí tương tự nhưng do các cơ quan khác nhau thực hiện.

**Chồng chéo giữa TCVN và QCVN:**

**TCVN (Tiêu chuẩn Việt Nam)** là tiêu chuẩn tự nguyện, do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) phối hợp các bộ ngành xây dựng.

**QCVN (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)** là bắt buộc, do các bộ ngành trực tiếp ban hành theo lĩnh vực quản lý.

**Vấn đề:** Một số TCVN và QCVN có nội dung tương tự nhưng mức độ yêu cầu khác nhau hoặc áp dụng cho các đối tượng khác nhau mà không có sự thống nhất rõ ràng. Ví dụ, Tham khảo theo TCVN 7974:2008 về chè (trà) (Camellia sinensis (L.) O. Kuntze) túi lọc, TCVN 7975:2008 về chè thảo mộc túi lọc chỉ có 7 loại thuốc BVTV, Thông tư 50/2016/TT-BYT yêu cầu đối với nhóm Chè và sản phẩm chè có 21 loại thuốc BVTV, nhưng chỉ tiêu không đồng nhất, gây lúng túng cho doanh nghiệp khi lựa chọn áp dụng.

**Chồng chéo trong quản lý thực phẩm nhập khẩu và nội địa:**

Thực phẩm nhập khẩu phải tuân thủ các QCVN do Bộ Y tế ban hành (như QCVN 8-2:2011/BYT), nhưng khi lưu thông trong nước, lại chịu thêm các tiêu chuẩn của Bộ Công Thương hoặc Bộ NN&PTNT nếu thuộc danh mục quản lý của họ. Điều này dẫn đến việc một lô hàng nhập khẩu có thể phải kiểm tra nhiều lần với các tiêu chí tương tự nhưng do các cơ quan khác nhau thực hiện.

Để giải quyết triệt để, cần có một cơ quan đầu mối thống nhất (ví dụ: Ủy ban An toàn thực phẩm quốc gia hoặc Cục ATTP) để điều phối và loại bỏ chồng chéo giữa TCVN, QCVN cũng như giữa các bộ ngành. Đánh giá lại cơ chế quản lý, xây dựng bộ tiêu chuẩn chi tiết cho các ngành nghề, cách thức kiểm soát, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng.

**2. Hạn chế trong việc áp dụng hậu kiểm:**

Mặc dù chuyển sang hậu kiểm là một bước tiến lớn, nhưng hệ thống giám sát và xử lý vi phạm sau kiểm tra chưa thực sự hiệu quả. Thiếu nguồn lực (nhân sự, công nghệ) và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan khiến việc phát hiện, xử lý vi phạm chậm trễ, làm giảm tính răn đe và hiệu quả quản lý.

**3. Hạn chế trong truy xuất nguồn gốc thực phẩm:**

Mặc dù Nghị định đề cập đến truy xuất nguồn gốc, nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về cách thực hiện, đặc biệt với các sản phẩm nông sản hoặc thực phẩm nhập khẩu. Điều này gây khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng và xử lý khi xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm.

Ví dụ: Việc quản lý dư lượng thuốc bảo vệ thực vật từ trồng trọt, thu hái, bảo quản sau thu hoạch chưa được quan tâm, kiểm soát đúng mức. Khi nhà sản xuất thực phẩm nhận được cảnh báo từ khách hàng, mà xác định nguyên nhân từ nguyên liệu nông sản nhưng để truy xuất được đưa ra biện pháp khắc phục, phòng ngừa rất khó khăn.

**5. Chưa đồng bộ với tiêu chuẩn quốc tế ở một số khía cạnh:**

Một số điều kiện về kiểm nghiệm, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm trong Nghị định chưa hoàn toàn phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế (như Codex Alimentarius), dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu khi phải đáp ứng thêm các yêu cầu từ thị trường nước ngoài.

**6. Thiếu hướng dẫn chi tiết cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ:**

Nghị định tập trung nhiều vào các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn, trong khi các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ (như quán ăn, chợ truyền thống, đại lý thu mua) chiếm tỷ lệ đáng kể tại Việt Nam. Các quy định về đăng ký, tự công bố sản phẩm hoặc điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm thường không khả thi với những cơ sở này do hạn chế về nhận thức pháp luật, tài chính và cơ sở vật chất. Doanh nghiệp sản xuất với nhiều loại sản phẩm, nên nhu cầu về rất nhiều loại nguyên liệu, phải tìm kiếm ở các đại lý thu mua/thu gom từ trong các hộ nông dân, nên rất khó kiểm soát đồng nhất về chất lượng và ATTP

**7. Chưa chú trọng đủ đến khâu vận chuyển và bảo quản thực phẩm:**

Nghị định chủ yếu điều chỉnh các khâu sản xuất, chế biến và kinh doanh, nhưng các quy định về vận chuyển, bảo quản (đặc biệt với thực phẩm tươi sống, đông lạnh) còn chung chung. Thực tế, nhiều vụ việc vi phạm an toàn thực phẩm xảy ra ở khâu trung gian này (như vận chuyển không đúng nhiệt độ, không đảm bảo vệ sinh), nhưng chưa có cơ chế kiểm soát chặt chẽ.

**8. Đối với doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm, chi phí cho việc kiểm nghiệm sản phẩm là rất lớn:**

**Nguyên nhân dẫn đến chi phí kiểm nghiệm cao**

- Số lượng sản phẩm đa dạng: Doanh nghiệp sản xuất nhiều loại thực phẩm (ví dụ: thực phẩm chế biến sẵn, đồ uống, thực phẩm chức năng, nông sản chế biến) phải kiểm nghiệm từng loại theo các chỉ tiêu riêng biệt được quy định trong QCVN hoặc TCVN áp dụng. Mỗi sản phẩm có thể yêu cầu hàng chục chỉ tiêu (vi sinh, hóa học, kim loại nặng, phụ gia, v.v.), dẫn đến tổng chi phí tăng theo cấp số nhân.

- Yêu cầu phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn: Theo quy định, kết quả kiểm nghiệm phải được thực hiện tại các phòng kiểm nghiệm được công nhận (đạt chuẩn ISO/IEC 17025) hoặc do cơ quan nhà nước chỉ định. Số lượng đơn vị đạt chuẩn này tại Việt Nam còn hạn chế, khiến chi phí dịch vụ cao và doanh nghiệp đôi khi phải gửi mẫu ra nước ngoài, càng làm tăng giá thành.

- Tần suất kiểm nghiệm: Đối với thủ tục tự công bố sản phẩm hoặc đăng ký bản công bố sản phẩm, doanh nghiệp phải kiểm nghiệm cho từng sản phẩm và mỗi khi có thay đổi về công thức, nguyên liệu. Điều này đặc biệt tốn kém với các doanh nghiệp có danh mục nhiều sản phẩm và thường xuyên đổi mới.

- Chồng chéo quy định: Như đã đề cập trước đó, một sản phẩm có thể phải tuân thủ nhiều QCVN từ các bộ khác nhau (Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương), dẫn đến việc kiểm nghiệm trùng lặp các chỉ tiêu tương tự, làm tăng chi phí không cần thiết.

**Ví dụ minh họa chi phí:**

Một doanh nghiệp sản xuất nước giải khát, sữa, và thực phẩm chức năng có thể phải kiểm nghiệm:

- Nước giải khát: QCVN 6-1:2010/BYT (độ pH, kim loại nặng, vi sinh vật) – chi phí ước tính 5-10 triệu đồng/mẫu.

- Sữa: QCVN 5-1:2010/BYT (protein, chất béo, vi sinh) – khoảng 7-15 triệu đồng/mẫu.

- Thực phẩm chức năng: QCVN 8-2:2011/BYT (hoạt chất, kim loại nặng, tồn dư hóa chất) – 10-20 triệu đồng/mẫu.

Nếu doanh nghiệp có 10 sản phẩm khác nhau, chỉ riêng kiểm nghiệm ban đầu đã có thể tiêu tốn 50-150 triệu đồng, chưa kể chi phí định kỳ hoặc kiểm tra bổ sung khi xuất khẩu.

**Tác động đến doanh nghiệp:**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs): Đây là nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề nhất vì họ thiếu nguồn lực tài chính và nhân sự để đáp ứng yêu cầu kiểm nghiệm.

Doanh nghiệp lớn: Dù có tiềm lực mạnh hơn, chi phí kiểm nghiệm vẫn ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, làm giảm sức cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt khi so với các doanh nghiệp nước ngoài có hệ thống kiểm nghiệm nội bộ hoặc được hỗ trợ từ chính phủ.

**So sánh với quốc tế**

Ở một số nước (như EU, Mỹ), doanh nghiệp được phép tự kiểm nghiệm trong phòng thí nghiệm nội bộ nếu đạt chuẩn, hoặc chỉ cần kiểm nghiệm một lần cho nhóm sản phẩm tương tự. Trong khi đó, Việt Nam yêu cầu kiểm nghiệm độc lập cho từng sản phẩm, ngay cả khi chúng chỉ khác nhau về hương vị hoặc bao bì, dẫn đến chi phí cao hơn.

**Giải pháp khả thi**

Để giảm gánh nặng chi phí kiểm nghiệm cho doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm, có thể xem xét các giải pháp sau:

- Nhóm sản phẩm tương đồng: Cho phép doanh nghiệp kiểm nghiệm một mẫu đại diện cho nhóm sản phẩm có thành phần và quy trình sản xuất tương tự (ví dụ: các loại nước ngọt chỉ khác hương liệu), thay vì kiểm từng sản phẩm riêng lẻ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ: Nhà nước có thể trợ cấp chi phí kiểm nghiệm hoặc xây dựng các trung tâm kiểm nghiệm công với giá ưu đãi cho SMEs.

- Công nhận phòng kiểm nghiệm nội bộ: Doanh nghiệp lớn có thể tự kiểm nghiệm nếu phòng thí nghiệm của họ được công nhận, thay vì phải gửi mẫu ra ngoài.

- Đơn giản hóa chỉ tiêu kiểm nghiệm: Loại bỏ các chỉ tiêu trùng lặp giữa các QCVN hoặc thống nhất thành một bộ tiêu chuẩn chung áp dụng cho tất cả các bộ ngành.

- Ứng dụng công nghệ: Sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu điện tử để doanh nghiệp chỉ cần nộp kết quả kiểm nghiệm một lần và tái sử dụng cho các thủ tục liên quan.

**9. Về chi tiết thủ tục tự công bố/công bố sản phẩm theo bản dự thảo sửa đổi:**

- Tên sản phẩm: Cần xem xét lại khi doanh nghiệp có hàng chục/hàng trăm sản phẩm nên cân nhắc về theo nhóm sản phẩm tương đồng.

- Công thức sản phẩm: Liên quan đến bảo mật công thức của Cty, cạnh tranh trong kinh doanh nên không thể chia sẻ thông tin. Vẫn đảm bảo các thành phần phụ gia trong giới hạn cho phép.

- Thuyết minh thành phần của sản phẩm: Không hợp lý vì uống Trà làm sao quy định được lượng dùng, công dụng khi nhu cầu của mỗi người khác nhau. Rất khó để tính được RNI, nhóm tuổi phù hợp. Nên chỉ phù hợp cho những sản phẩm chế độ ăn đặc biệt…

- Kiểm nghiệm cho từng sản phẩm khi tự công bố sẽ gây tốn kém rất lớn cho doanh nghiệp

- Phương pháp kiểm nghiệm: Doanh nghiệm không thể đưa ra phương pháp kiểm nghiệm do thuê đơn vị bên ngoài, không xác định được họ dùng phương pháp nào. Phương pháp kiểm nghiệm có trên Kết quả phiếu kiểm nghiệm.

- Cơ quan quản lý đăng tải hồ sơ trong vòng 7 ngày, rà soát 3 tháng: Điều này gây chậm trễ trong việc bán hàng, không phù hợp với bản chất của Tự công bố và hậu kiểm.

**10. Thiếu cơ chế giám sát ghi nhãn và quảng cáo**

Bất cập: Sau khi tự công bố, doanh nghiệp có thể thoải mái quảng cáo sản phẩm, nhưng cơ quan quản lý không kiểm soát chặt chẽ nội dung ghi nhãn hoặc tuyên bố công dụng trước khi lưu hành. Ví dụ, một số sản phẩm tự công bố có thể ghi nhãn mơ hồ hoặc phóng đại lợi ích sức khỏe mà không bị kiểm tra ngay.

Hậu quả: Người tiêu dùng dễ bị đánh lừa bởi thông tin không chính xác, đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử phát triển mạnh.

**11. Một ví dụ tham khảo:** Ở Mỹ, việc quản lý và công bố sản phẩm thực phẩm trước khi bán ra thị trường được giám sát chủ yếu bởi Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA), cùng với một số cơ quan khác tùy thuộc vào loại thực phẩm. Dưới đây là cách hoạt động:

**\* Phân loại thực phẩm và trách nhiệm quản lý**

FDA: Chịu trách nhiệm chính đối với hầu hết các sản phẩm thực phẩm, bao gồm thực phẩm đóng gói, thực phẩm bổ sung (dietary supplements), và một phần thủy sản. Tuy nhiên, FDA không yêu cầu phê duyệt trước cho tất cả các sản phẩm thực phẩm trước khi đưa ra thị trường, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA): Quản lý thịt, gia cầm và các sản phẩm từ trứng (qua Dịch vụ Kiểm tra và An toàn Thực phẩm - FSIS). Những sản phẩm này thường phải được phê duyệt trước khi bán.

Các cơ quan tiểu bang và địa phương cũng có thể tham gia vào việc giám sát, đặc biệt với thực phẩm sản xuất và bán trong phạm vi địa phương.

**\* Quy trình công bố và kiểm soát**

Không yêu cầu phê duyệt trước với hầu hết thực phẩm (do FDA quản lý): Các công ty chịu trách nhiệm tự đảm bảo sản phẩm của họ an toàn và tuân thủ các quy định của FDA (ví dụ: Đạo luật Hiện đại hóa An toàn Thực phẩm - FSMA). Họ không cần nộp hồ sơ để được phê duyệt trước khi bán, nhưng phải:

Đăng ký cơ sở sản xuất thực phẩm với FDA (nếu là cơ sở sản xuất, đóng gói hoặc lưu trữ thực phẩm).

Tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, ghi nhãn (nutrition facts, danh sách thành phần, cảnh báo dị ứng), và các quy định về phụ gia thực phẩm.

Nếu sử dụng phụ gia mới hoặc thành phần chưa được công nhận là an toàn (GRAS - Generally Recognized as Safe), phải nộp thông báo hoặc xin phê duyệt từ FDA.

**Thực phẩm cần phê duyệt trước:**

Thức ăn trẻ em (infant formula): Phải được FDA đánh giá và phê duyệt trước khi bán.

Thịt, gia cầm, trứng (USDA): USDA yêu cầu kiểm tra trước khi sản xuất và phê duyệt nhãn sản phẩm.

Thực phẩm bổ sung (dietary supplements): Nhà sản xuất phải thông báo FDA về sản phẩm mới trong vòng 30 ngày sau khi đưa ra thị trường, kèm theo thông tin về thành phần và nhãn, nhưng không cần phê duyệt trước.

**\* Ghi nhãn và công bố thông tin**

Tất cả sản phẩm thực phẩm phải có nhãn tuân thủ quy định của FDA hoặc USDA, bao gồm:

* Thành phần (ingredients list).
* Thông tin dinh dưỡng (nutrition facts).
* Cảnh báo dị ứng (nếu có).
* Nguồn gốc (nếu áp dụng, như với một số loại thịt hoặc nông sản).
* Nhãn không được phép đưa ra tuyên bố sai lệch hoặc gây hiểu nhầm (ví dụ: "chữa bệnh" nếu không có bằng chứng khoa học).

**\* Kiểm tra và giám sát sau khi ra thị trường**

FDA và USDA không kiểm tra mọi sản phẩm trước khi bán, nhưng họ giám sát thông qua:

Kiểm tra ngẫu nhiên tại cơ sở sản xuất.

Điều tra khiếu nại từ người tiêu dùng.

Thu hồi sản phẩm (recall) nếu phát hiện vi phạm an toàn (thường do công ty tự nguyện thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan quản lý).

**\* Trường hợp đặc biệt: Thực phẩm biến đổi gen (GMO)**

Thực phẩm GMO không bắt buộc phải ghi nhãn đặc biệt trước đây, nhưng từ năm 2022, theo Tiêu chuẩn Công bố Thực phẩm Sinh học Quốc gia (National Bioengineered Food Disclosure Standard), các sản phẩm chứa GMO phải ghi nhãn "bioengineered" nếu vượt ngưỡng nhất định.

**Tóm lại**

Hệ thống quản lý thực phẩm ở Mỹ dựa trên sự kết hợp giữa tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp và giám sát sau khi bán hàng của các cơ quan như FDA và USDA. Trừ một số loại như thức ăn trẻ em hoặc thịt, hầu hết thực phẩm không cần phê duyệt trước, nhưng phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn và ghi nhãn. Nếu vi phạm, doanh nghiệp có thể bị phạt, thu hồi sản phẩm hoặc truy tố.

**12. Tổng kết**

Trên đây là tổng hợp các ý kiến của Công ty TNHH Thế Hệ Mới

Xin trân trọng cảm ơn!

 **CÔNG TY TNHH THẾ HỆ MỚI**

Giao Thế Việt